TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86*/2020/DS - ST*
Ngày*: 09 - 12 - 2020*
V/v tranh chấp chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Ông Trần Thanh Khen

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ *tham gia phiên toà:* Bà Dương Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/11/2020 và ngày 09/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ánh Đ**,** sinh năm 1969 (Có mặt)

Trú tại: Số 199/14 ấp BT2, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn* chị Nguyễn Thị Ánh Đ: Luật sư Phạm Minh T – Văn phòng luật sư Phạm Minh Tấn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

*2. Bị đơn**:***

2.1. Anh Nguyễn Thanh Đ1**,** sinh năm 1978

Trú tại: Số 199/14 ấp BT2, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Thanh Đ1: anh Nguyễn Đoàn Bá D, sinh năm 1988. Đia chỉ: Số 65/15 Phó Cơ Đ, khóm A, phường B, TP.VL, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2020) (Có mặt)

2.2. Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1980

Trú tại: Số 199/14 ấp BT2, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của chị Lê Thị Ngọc T: anh Nguyễn Thanh Đ1, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: số 199/4 ấp BT2, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2020) (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. Anh Nguyễn Hoàng Đ2, sinh năm 1970 (có mặt)

Trú tại: Số 199/14 ấp BT2, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

3.2. Anh Nguyễn Thanh Đ3, sinh năm 1972 (có mặt)

Trú tại: Số 138/29/8 Trần Hưng Đ, phường AN, quận NK, TP.Cần Thơ

3.3. Anh Nguyễn Thanh Đ4, sinh năm 1974 (có mặt)

Trú tại: Số 46/3 ấp PT1, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

3.4. Anh Nguyễn Thanh Đ5, sinh năm 1976 (có mặt)

Trú tại: Số 214A/15 ấp BT2, xã HN, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thống nhất trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn Đủ (chết năm 2005) và bà Lê Kim Ngọc (chết năm 1987).

Ông Đủ và bà Ngọc có 06 người con gồm: Nguyễn Thị Ánh Đ, Nguyễn Hoàng Đ2, Nguyễn Thanh Đ3, Nguyễn Thanh Đ4, Nguyễn Thanh Đ5, Nguyễn Thanh Đ1, ngoài ra không có con riêng hay con nuôi gì.

Ông Đủ và bà Ngọc để lại tài sản gồm có 01 căn nhà thờ bằng gỗ, xây dựng từ năm 1944 và thửa đất 123 diện tích 3.093m^2 và thửa đất số 160 diện tích 11.480m^2 đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi ông Đủ và bà Ngọc chết, thì tất cả 06 anh chị em trong nhà thỏa thuận thống nhất cho chị Nguyễn Thị Ánh Đ thay mặt tất cả các anh chị em nhận thừa kết toàn bộ các thửa đất trên để sau này chia lại cho các anh em.

* Năm 2008, thì tất cả anh chị em trong nhà thống nhất chia phần đất thửa 160 diện tích 11.480m^2 do chị Đ đứng tên quyền sử dụng đất ra làm 06 phần : anh Nguyễn Hoàng Đ2, anh Nguyễn Thanh Đ3, anh Nguyễn Thanh Đ4, anh Nguyễn Thanh Đ1, anh Nguyễn Thanh Đ5 mỗi người nhận được khoảng trên 1500m^2, và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Riêng chị Đ không có chồng con, chăm sóc cha mẹ khi còn sống, nên các anh em trong nhà để cho chị Đ được nhận phần đất nhiều hơn so với các anh em trong gia đình, khi nào chị Đ có chồng con thì các anh em trong nhà mới yêu cầu chị Đ chia thêm phần đất chị Đ nhận nhiều hơn so với các anh trong gia đình. Sau khi nhận phần đất 2.473,9m^2 (thực tế phần đất này bị giảm diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mở đường, diện tích còn lại sau khi bị giảm là 2.265,2m^2) chị Đ tách ra làm hai thửa là thửa 455 và 456, đã chuyển nhượng thửa 456 diện tích 272m^2 đất người khác, chị Đ còn đứng tên quyền sử dụng đất thửa 455 diện tích 1993,2m^2, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

* Đối với thửa đất số 89 (thửa 123 cũ), tờ bản đồ số 17, diện tích 3.147,4m^2 (Gồm 300m^2, đất ở và 2.847,4m^2, đất trồng cây lâu năm), tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, do chị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chưa chia. Phần đất này hiện do anh Đ1 và chị Đ cùng quản lý và sử dụng.

Tất cả các đương sự trong vụ án đều thống nhất diện tích phần đất tranh chấp theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 28/10/2020 gồm có:

- Nhà thờ thuộc thửa 89-1, diện tích là 77,7m^2, đất ở nông thôn, phần sân thuộc thửa 89-2-2 có diện tích 73.2m^2, loại đất CLN.
- Nhà mồ thuộc thửa 89-3, diện tích 86m^2, loại đất trồng cây lâu năm.
- Phần đất còn lại thuộc thửa 89-2-1, diện tích 2.910,5m^2, loại đất ở nông thôn + trồng cây lâu năm.

Chị Đ, anh Đ2, anh Đ3, anh Đ4, anh Đ5, anh Đ1 đều thống nhất để tất cả 06 anh chị em đồng sở hữu chung căn nhà thờ gắn liền phần đất nhà thờ thuộc thửa 89-1, diện tích là 77,7m^2, đất ở nông thôn, phần sân thuộc thửa 89-2-2 có diện tích 73.2m^2, loại đất CLN, phần đất mộ thuộc thửa 89-3, diện tích 86m^2, loại đất trồng cây lâu năm.

Anh Đ2, anh Đ3, anh Đ4, anh Đ5, anh Đ1 thống nhất giao căn nhà thờ gắn liền phần đất nhà thờ thuộc thửa 89-1, diện tích là 77,7m^2, đất ở nông thôn, phần sân thuộc thửa 89-2-2 có diện tích 73.2m^2, loại đất CLN, phần đất mộ thuộc thửa 89-3, diện tích 86m^2, loại đất trồng cây lâu năm cho anh Đ1 và chị Đ cùng quản lý, sử dụng.

Chị Đ yêu cầu như sau:

Phần đất thuộc thửa 89-1, 89-2-2 và thửa 89-3 để tất cả anh em cùng đứng tên sở hữu chung dùng vào việc thờ cúng, chị Đ yêu cầu được ở và quản lý nhà thờ vì hiện tại chị Đ không có nhà ở riêng

Phần đất thửa 89-2-1, diện tích 2.910,5m^2, loại đất ONT, CLN, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, chị Đ yêu cầu chia làm 6 phần bằng nhau, chị Đ nhận diện tích 1/6 yêu cầu nhận bằng hiện vật. Đối với phần đất được nhận, chị Đ yêu cầu anh Nguyễn Thanh Đ1 di dời, tháo dở đập bỏ các công trình mà anh Đ1 xây dựng trên phần đất được nhận và không hỗ trợ chi phí di dời.

Theo yêu cầu phản tố của Nguyễn Thanh Đ1 và yêu cầu độc lập của Nguyễn Thanh Đ4, chị Đ không đồng ý chia thửa 455 vì sau khi cha mẹ của chị chết, các anh em có thỏa thuận là chia cho chị được sở hữu và đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ

* **Anh Nguyễn Thanh Đ1 yêu cầu**:

Chị Nguyễn Thị Ánh Đ nhận được 2.473,9m^2, sau đó chị Đ đã chuyển nhượng 272 m^2, còn lại chị Đ hiện tại đứng thửa đất 455, tờ bản đồ số 17, loại đất vườn là 1993,2m^2 tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ. Như vậy chị Đ nhận phần đất hơn các anh em trong nhà khoảng 700m^2. Anh Đ1 yêu cầu chị Đ chia cho anh 107,9m^2 đất tại thửa 455 về cây trồng gắn liền trên đất anh Đ1 yêu cầu được hưởng không trả giá trị.

Đối với thửa đất 89 hiện tại phần đất này do anh Đ1 đang quản lý và sử dụng nhà thờ cùng các công trình phục vụ du lịch gồm: Hàng rào, 2 nhà ăn gắn liền 9 phòng ngủ và 9 nhà vệ sinh bên trong, 1 nhà ăn gắn liền với 4 phòng ngủ và 4 nhà vệ sinh bên trong, 1 nhà bếp gắn liền 1 phòng ngủ gia đình, 1 nhà lớn, 2 phòng ngủ cho khách, 2 nhà vệ sinh bên trong và 1 nhà xe đạp, trại mộc. Tất cả các công trình trên do anh Đ1 bỏ chi phí ra xây dựng, tổng cộng chi phí là 3.000.000.000đồng. Năm 2009, anh Đ1 có sửa chữa căn nhà thờ này với chi phí khoảng 150.000.000đồng, anh Đ1 không yêu cầu các đồng thừa kế trả lại chi phí sửa chữa trên.

Anh Đ1 yêu cầu chia thửa 89-2, diện tích 2.910,5m^2, loại đất ONT, CLN, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long làm 6 phần bằng nhau, anh Đ1 yêu cầu nhận bằng hiện vật. Đối với 5 phần còn lại anh Đ1 yêu cầu tiếp tục sử dụng toàn bộ như hiện trạng, anh Đ1 đồng ý hoàn trả lại giá trị cho các anh em mỗi người nhận số tiền 150.000.000đ. Anh Đ2 và anh Đ4 đã nhận mỗi người 150.000.000đ từ anh Đ1. Trường hợp các anh em có yêu cầu độc lập yêu cầu nhận bằng hiện vật thì anh Đ1 không đồng ý vì các công trình xây dựng trên đất cơ bản phục vụ mục đích kinh doanh du lịch đã xây dựng hợp lệ, công khai, ngay tình, anh Đ1 không có lỗi nên không thể phá dỡ di dời được.

***Bị đơn chị Lê Thị Ngọc T**:

Chị T thống nhất trình bày của đại diện hợp pháp của anh Đ1, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*** Anh Nguyễn Thanh Đ3 có yêu cầu độc lập như sau:**

Đối với thửa 89-2-1, diện tích 2.910,5m^2, loại đất ONT, CLN, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, anh Đ3 yêu cầu chia làm 6 phần bằng nhau, yêu cầu nhận bằng hiện vật. Đối với phần diện tích được nhận, anh Đ3 yêu cầu anh Nguyễn Thanh Đ1 di dời, tháo dở đập bỏ các công trình mà anh Đ1 xây dựng trên phần đất và không hỗ trợ di dời.

*** Anh Nguyễn Thanh Đ5 có yêu cầu độc lập như sau:**

Đối với thửa 89-2-1, diện tích 2.910,5m^2, loại đất ONT, CLN, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, anh Đ5 yêu cầu chia làm 6 phần bằng nhau, yêu cầu nhận bằng hiện vật. Đối với phần diện tích được nhận, anh Đ5 yêu cầu anh Nguyễn Thanh Đ1 di dời, tháo dở đập bỏ các công trình mà anh Đ1 xây dựng trên phần đất và không hỗ trợ di dời.

*** Anh Nguyễn Hoàng Đ2 có yêu cầu độc lập như sau:**

Đối với thửa 89-2-1, diện tích 2.910,5m^2, loại đất ONT, CLN, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, anh Đ2 yêu cầu chia làm 6 phần bằng nhau. Anh Đ2 giao phần đất này cho anh Đ1 được quyền sử dụng, anh Đ1 đã trả cho anh Đ2 giá trị đất bằng 150.000.000đ.

*** Anh Nguyễn Thanh Đ4 có yêu cầu độc lập như sau:**

- Đối với thửa 89-2-1, diện tích 2.910,5m^2, loại đất ONT, CLN, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, anh Đ4 yêu cầu chia làm 6 phần bằng nhau. Anh Đ4 giao phần đất này cho anh Đ1 được quyền sử dụng, anh Đ1 đã trả cho anh Đ4 giá trị đất bằng 150.000.000đ.

- Anh Đ4 yêu cầu chia phần đất chiết thửa số 455, tờ bản đồ số 17, loại đất vườn, diện tích 2.473,9m^2 (Phần diện tích mà chị Đ đứng tên ban đầu chưa có chuyển nhượng cho người khác), tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Thửa đất nằm trên đường DH) do chị Nguyễn Thị Ánh Đ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ ra thành 6 phần, anh Đ4 yêu cầu nhận 1/6 diện tích khoảng 107,9m^2 theo trích đo của Tòa án ngày 02/7/2020, anh và anh Đ1 cùng đo một trích đo, không tách ra, về cây trồng gắn liền trên đất anh Đ4 yêu cầu được hưởng không trả giá trị.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia phần đất còn lại của thửa

số 89 là 2.910,5m^2 cho 06 người là chị Đ, anh Đ3, anh Đ2, anh Đ4, anh Đ5, anh Đ1 mỗi người được hưởng khoảng 485m^2, yêu cầu cho chị Đ nhận bằng hiện vật vì chị Đ hiện nay đang quản lý phần đất này. Chị Đ từ nhỏ đến hiện nay đều ở trong căn nhà thờ, không có nhà riêng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao chị Đ được quản lý và sử dụng căn nhà thờ, phần đất gắn liền với căn nhà thờ, phần sân, phần mộ để thuận tiện cho việc chăm nom, thờ cúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Đ1 và anh Đ4 yêu cầu chị Đ chia cho anh Đ1, anh Đ4 mỗi người được hưởng 107,9m^2 thuộc thửa 455 do chị Đ đứng tên quyền sử dụng đất vì phần đất thửa 160 do ông Đủ và bà Ngọc chết để lại, sau khi nhận thừa kế thì vào năm 2008 chị Đ đã tiến hành chia lại cho 06 anh em, mỗi người đều có phần riêng, ai cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và canh tác cho đến nay mà không ai trong các anh chị em khiếu nại hay phản đối gì. Phần đất thửa 160 đã chia xong, chị Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới là thửa 455, như vậy phần tài sản này đã chia xong, thửa đất 455 là tài sản riêng của chị Đ không còn là tài sản chung của các anh em chưa chia.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Đ1 được tiếp tục sử dụng phần đất thửa 89 còn lại là 2910,5m^2, xin trả giá trị cho các anh chị em trong nhà mỗi người bằng 150.000.000đ vì trên phần đất này hiện nay anh Đ1 đã xây dựng các công trình phục vụ cho dịch vụ kinh doanh du lịch homestay, anh Đ1 đã đầu tư một khoản tiền lớn và mất công sức nhiều năm mới xây dựng được các công trình này, khi tiến hành làm thì các anh chị em cũng đã thống nhất cho anh Đ1 làm, đây là cơ sở kinh doanh của gia đình anh, nếu tháo dở di dời mà không bồi thường sẽ gây thiệt hại lớn cho anh Đ1. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ1 đối với yêu cầu chị Đ chia cho anh Đ1 107,9m^2 thuộc thửa 455 do chị Đ đứng tên quyền sử dụng đất vì phần đất này có nguồn gốc là đất do cha mẹ chết để lại, chị Đ nhận nhiều hơn so các anh em trong gia đình khoảng 700m^2, nên chị Đ phải chia thêm cho các anh chị em trong nhà cho công bằng.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ**:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Đây là vụ án tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, Điều 196, Điều 197 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp đây là vụ án: "Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất" là chưa đúng cần phải xác định trường hợp này là "Tranh chấp chia tài sản chung quyền sử dụng đất" mới đúng quan hệ tranh chấp.

Tư cách những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ: Quyết định xem xét thẩm định, định giá tài sản; Yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 97; 101 và Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện Đ2 quy định tại Điều 170, 171, 175 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng và người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người đại diện cho bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án này đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 75, 76, 85, 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 210; 212, khoản 1 Điều 218 Bộ luật dân sự 2015; khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Đ, bị đơn Nguyễn Thanh Đ1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu

cầu độc lập Nguyễn Hoàng Đ2, Nguyễn Thanh Đ4, Nguyễn Thanh Đ3, Nguyễn Thanh Đ5.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng sở hữu thửa 89-1 diện tích là 77,7m^2, đất ở nông thôn và thửa 89- 2-2, diện tích 73.4m^2; thửa 89-3, diện tích 86m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cho chị Nguyễn Thị Ánh Đ, Nguyễn Hoàng Đ2, Nguyễn Thanh Đ4, Nguyễn Thanh Đ3, Nguyễn Thanh Đ1, Nguyễn Thanh Đ5 cùng sở hữu chung (có trích đo kèm theo).

2.Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh Đ và anh Nguyễn Thanh Đ1 được quản lý và sử dụng phần đất của các đồng sở hữu thửa 89-1 diện tích là 77,7m^2, đất ở nông thôn và thửa 89- 2-2 diện tích 73.4m^2; thửa 89-3, diện tích 86m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

3. Công nhận cho anh Nguyễn Thanh Đ1 quản lý sử dụng phần đất gắn liền công trình kiến trúc trên đất thửa 89-2-1, diện tích 2.910,5m^2, loại đất ONT, CLN, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có trích đo kèm theo)

4. Buộc anh Nguyễn Thanh Đ1 hoàn trả giá trị đất mỗi phần diện tích 485,08m^2 thửa 89-2-1 cho chị Nguyễn Thị Ánh Đ, anh Nguyễn Thanh Đ3, anh Nguyễn Thanh Đ5 tương đương mỗi người nhận số tiền 150.000.000 đồng.

5. Chi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hoàng Đ2 và Nguyễn Thanh Đ4 anh Đ1 đã trả giá trị đất cho mỗi người nhận là 150.000.000đồng. Anh Đ2 và anh Đ4 đã nhận tiền xong và đồng ý giao lại tài sản chung được nhận cho anh Đ1 quản lý và sử dụng.

6. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh Đ1 yêu cầu chia diện tích 107,9m^2 thửa 455, tọa lạc đất tọa lạc tại ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

7. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh Đ4 yêu cầu chia diện tích 107,9m^2 thửa 455, tọa lạc đất tọa lạc tại ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản:

+ Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh Đ1 nộp chi phí khảo sát đo đạc ngày 04/6/2020 số tiền 2.119.000 đồng.

+ Buộc chị Đ, anh Đ2, anh Đ4, anh Đ3, anh Đ1, anh Đ5 mỗi người nộp 608.000 đồng/1 phần diện tích được nhận tại thửa 89 để hoàn trả lại cho chị Đ. Chị Đ đã nộp xong.

- Về án phí: các đương sự nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp chia tài sản chung. Bị đơn và phần đất tranh chấp tọa lạc tại xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Chị Đ, anh Đ2, anh Đ3, anh Đ4, anh Đ5, anh Đ1 thống nhất yêu cầu căn nhà thờ, phần đất gắn liền căn nhà thờ thuộc thửa 89-1, diện tích là 77,7m^2, đất ở nông thôn; phần sân thuộc thửa 89-2-2 có diện tích 73.2m^2, loại đất CLN và nhà mồ thuộc thửa 89-3, diện tích 86m^2, loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sở hữu chung của chị Đ, anh Đ2, anh Đ3, anh Đ4, anh Đ5, anh Đ1 và thống nhất giao chị Đ và anh Đ1 được tiếp tục quản lý, sử dụng dùng vào việc thờ cúng. Yêu cầu này của các đương sự là có cơ sở chấp nhận vì đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này.

[2.2] Xét, yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ánh Đ, anh Nguyễn Thanh Đ1, Nguyễn Hoàng Đ2, Nguyễn Thanh Đ3, Nguyễn Thanh Đ4, Nguyễn Thanh Đ5 yêu cầu chia thửa đất 89-2-1, diện tích 2.910,5m^2, loại đất ONT, CLN, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long ra làm 6 phần bằng nhau là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ, các đương sự đều thừa nhận phần đất thửa 89-2-1 là di sản do ông Đủ, bà Ngọc để lại, thống nhất để cho chị Đ nhận thừa kế và đứng tên quyền sử dụng đất để chia lại cho các anh chị em trong nhà, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự chia phần đất thửa 89-2-1, diện tích 2.910,5m^2 cho chị Đ, anh Đ1, anh Đ2, anh Đ3, anh Đ4, anh Đ5 mỗi người 01 phần bằng nhau có diện tích 485,08m^2.

Hiện nay, phần đất thửa đất 98-2-1 anh Đ1 đã xây các công trình du lịch kiên cố gồm: Hàng rào, 2 nhà ăn gắn liền 9 phòng ngủ và 9 nhà vệ sinh bên trong, 1 nhà ăn gắn liền với 4 phòng ngủ và 4 nhà vệ sinh bên trong, 1 nhà bếp gắn liền 1 phòng ngủ gia đình, 1 nhà lớn, 2 phòng ngủ cho khách, 2 nhà vệ sinh bên trong và 1 nhà xe đạp, trại mộc để phục vụ kinh doanh du lịch. Về nguyên tắc khi chia tài sản là di sản thừa kế thì phải chia bằng hiện vật, tuy nhiên anh Đ1 đã đầu tư rất lớn và phải mất thời gian nhiều năm mới xây dựng các công trình trên phần đất thửa 89-2-1 mục đích kinh doanh, năm 2008 anh Đ1 cũng được sự đồng ý của chị Đ, anh

Đ2, anh Đ3, anh Đ4 mới xây dựng các công trình trên, anh Đ5 mặc dù không có ký tên vào văn bản trên, nhưng cũng không có ý kiến phản đối. Nếu chia bằng hiện vật theo yêu cầu chị Đ, anh Đ5, anh Đ3 thì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng công việc kinh doanh của anh Đ1, gây lãng phí. Vì vậy chia giá trị cho chị Đ, anh Đ3, anh Đ2, anh Đ4, anh Đ5 phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng của các đương sự. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 04/6/2020 thì thửa đất 89 là loại đất ONT+CLN, đất thổ có giá 230.000đ/m^2, đất CLN có giá 88.000đ/m^2. Anh Đ1 đồng ý trả giá trị 150.000.000đ/485,08m^2 cho chị Đ, anh Đ2, anh Đ4, anh Đ3, anh Đ5 so với biên bản định giá tài sản là có lợi cho chị Đ, anh Đ2, anh Đ3, anh Đ5, anh Đ4. Anh Đ2, anh Đ4 đã nhận đủ tiền 150.000.000đ/485,08m^2 do anh Đ1 đưa, còn lại buộc anh Đ1 có nghĩa vụ trả giá trị cho anh Đ5, anh Đ3, chị Đ mỗi người 150.000.000đ. Công nhận cho anh Đ1 được quyền sử dụng toàn bộ phần đất thửa số 89-2-1 có diện tích 2.910, 5m^2, loại đất ONT+CLN tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2.3] Xét, yêu cầu của anh Đ1 và yêu cầu độc lập của anh Đ4 yêu cầu chị Đ chia cho anh Đ4, anh Đ1 mỗi người phần đất có diện tích 107,9m^2 thuộc thửa số 455, tờ bản đồ số 17, loại đất vườn, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Ánh Đ đứng tên giấy chứng nhận là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ, phần đất thửa 160 do ông Đủ và bà Ngọc chết để lại, chị Đ nhận thừa kế, nhưng vào năm 2008 thì các anh em trong nhà đã thống nhất và chia phần đất này ra làm 06 phần, các anh chị em trong nhà ai cũng đã nhận đất, canh tác, sử dụng ổn định (có người cũng đã chuyển nhượng cho người khác) từ năm 2008 đến nay mà không ai khiếu nại về việc chia phần đất này, sau khi chia xong tất cả anh chị em trong gia đình ai cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng, vì vậy thửa đất 160 của ông Đủ và bà Ngọc chết để lại đã được chia xong. Phần đất thửa 455 hiện nay chị Đ đứng tên là tài sản chị Đ được chia, không còn là tài sản chung chưa chia.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ, định giá tài sản, đo đạc vào ngày 02/7/2020 là 2.119.000đ anh Đ1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này.

Chi phí xem xét thẩm định tại chổ, định giá tài sản, đo đạc vào ngày 04/6/2020 là 3.650.000đ, theo quy định mỗi người được chia tài sản phải chịu một phần chi phí này, vì vậy buộc chị Đ, anh Đ2, anh Đ3, anh Đ4, anh Đ5, anh Đ1 mỗi người phải chịu 608.000đ. Chị Đ đã nộp toàn bộ tiền chi phí thẩm định nêu trên, nên buộc anh Đ1, anh Đ3, anh Đ2, anh Đ5, anh Đ4 mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Đ số tiền 608.000đ

Về án phí: Theo quy định tại điểm a, Khoản 7, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì mỗi bên đương sự

được chia tài sản phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị tài sản mà họ được hưởng.

* Buộc chị Đ phải chịu 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đ đã nộp 1.986.800đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005355 ngày 04/12/2019 tại chi cục thi hành dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua, buộc chị Đ nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.513.200đ

* Buộc anh Đ2 phải chịu 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ2 đã nộp 1.987.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005556 ngày 14/2/2020 tại chi cục thi hành dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua, buộc anh Đ2 nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.513.000đ

* Buộc anh Đ3 phải chịu 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ3 đã nộp 1.987.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005557 ngày 14/2/2020 tại chi cục thi hành dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua, buộc anh Đ3 nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.513.000đ

* Buộc anh Đ4 phải chịu 7.500.000đ tiền án phí chia tài sản chung được hưởng và 744.000đ đối với yêu cầu chia tài sản chung không được chấp nhận. Tổng cộng là 8.244.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ4 đã nộp 4.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005612 ngày 02/3/2020 tại chi cục thi hành dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua, buộc anh Đ4 nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.744.000đ

* Buộc anh Đ5 phải chịu 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ5 đã nộp 1.987.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005555 ngày 14/2/2020 tại chi cục thi hành dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua, buộc anh Đ5 nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.513.000đ

* Buộc anh Đ1 phải 7.500.000đ chịu tiền án phí chia tài sản chung được hưởng và 744.000đ đối với yêu cầu chia tài sản chung không được chấp nhận. Tổng cộng là 8.244.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ1 đã nộp 4.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005611 ngày 02/3/2020 tại chi cục thi hành dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua, buộc anh Đ1 nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.744.000đ

[4] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 157, 161,165 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 207, 210, 216, 218, 219, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Đ, bị đơn Nguyễn Thanh Đ1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Hoàng Đ2, Nguyễn Thanh Đ4, Nguyễn Thanh Đ3, Nguyễn Thanh Đ5.

1. Công nhận căn nhà thờ gắn liền với phần đất thuộc thửa 89-1, diện tích là 77,7m^2, đất ở nông thôn; phần sân thuộc thửa 89-2-2 có diện tích 73.2m^2, loại đất CLN và nhà mồ thuộc thửa 89-3, diện tích 86m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sở hữu chung của chị Nguyễn Thị Ánh Đ, Nguyễn Hoàng Đ2, Nguyễn Thanh Đ3, Nguyễn Thanh Đ4, Nguyễn Thanh Đ5, Nguyễn Thanh Đ1.

Giao căn nhà thờ gắn liền với phần đất thuộc thửa 89-1, diện tích là 77,7m^2, đất ở nông thôn; phần sân thuộc thửa 89-2-2 có diện tích 73.2m^2, loại đất CLN và nhà mồ thuộc thửa 89-3, diện tích 86m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sở hữu chung của chị Nguyễn Thị Ánh Đ, Nguyễn Hoàng Đ2, Nguyễn Thanh Đ3, Nguyễn Thanh Đ4, Nguyễn Thanh Đ5, Nguyễn Thanh Đ1, cho chị Nguyễn Thị Ánh Đ và anh Nguyễn Thanh Đ1 cùng quản lý, sử dụng (có trích đo kèm theo)

2. Chia phần đất thuộc thửa 89-2-1 có diện tích 2.910,5m^2,loại đất ONT+CLN tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cho chị Nguyễn Thị Ánh Đ, Nguyễn Hoàng Đ2, Nguyễn Thanh Đ3, Nguyễn Thanh Đ4, Nguyễn Thanh Đ5, Nguyễn Thanh Đ1 mỗi người một kỷ phần là 485,08m^2 nhưng không giao bằng hiện vật mà tính bằng giá trị mỗi kỷ phần bằng 150.000.000đ. Buộc anh Nguyễn Thanh Đ1 có trách nhiệm thanh toán cho: chị Nguyễn Thị Ánh Đ số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), anh Nguyễn Hoàng Đ2 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), anh Nguyễn Thanh Đ3 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), anh Nguyễn Thanh Đ4 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), Nguyễn Thanh Đ5 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Anh Nguyễn Thanh Đ1 đã thanh toán xong cho anh Nguyễn Hoàng Đ2 và Nguyễn Thanh Đ4 nên không phải trả tiếp cho anh Đ2 và anh Đ4.

Công nhận phần đất thuộc thửa 89-2-1 có diện tích 2.910,5m^2, loại đất ONT+CLN tọa lạc ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cho anh Nguyễn Thanh Đ1 (có trích đo kèm theo)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh Đ1 yêu cầu chị Nguyễn Thị Ánh Đ chia phần đất có diện tích 107,9m^2, thuộc thửa 455, tọa lạc tại ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh Đ4 yêu cầu chị Nguyễn Thị Ánh Đ chia phần đất có diện tích 107,9m^2, thuộc thửa 455, tọa lạc tại ấp Bình Thuận 2, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

5. Về chi phí khảo sát đo đạc, xem xét thẩm định, định giá tài sản:

+ Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ, định giá tài sản, đo đạc vào ngày 02/7/2020 là 2.119.000đ anh Đ1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này anh Đ1 đã nộp đủ, nên không phải nộp thêm.

+ Chi phí xem xét thẩm định tại chổ, định giá tài sản, đo đạc vào ngày 04/6/2020 là 3.650.000đ. Buộc chị Đ, anh Đ2, anh Đ3, anh Đ4, anh Đ5, anh Đ1 mỗi người phải chịu 608.000đ. Chị Đ đã nộp toàn bộ tiền chi phí thẩm định nêu trên, nên buộc anh Đ1, anh Đ3, anh Đ2, anh Đ5, anh Đ4 mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Đ số tiền 608.000đ.

6. Về án phí:

* Buộc chị Nguyễn Thị Ánh Đ phải chịu 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đ đã nộp 1.986.800đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005355 ngày 04/12/2019 tại chi cục thi hành dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua, buộc chị Đ nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.513.200đ (Năm triệu, năm trăm mười ba nghìn hai trăm đồng).

* Buộc anh Nguyễn Hoàng Đ2 phải chịu 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ2 đã nộp 1.987.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005556 ngày 14/2/2020 tại chi cục thi hành dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua, buộc anh Đ2 nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.513.000đ (Năm triệu, năm trăm mười ba nghìn đồng).

* Buộc anh Nguyễn Thanh Đ3 phải chịu 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ3 đã nộp 1.987.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005557 ngày 14/2/2020 tại chi cục thi hành dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua, buộc anh Đ3 nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.513.000đ (Năm triệu, năm trăm mười ba nghìn đồng).

* Buộc anh Nguyễn Thanh Đ4 phải chịu 8.244.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ4 đã nộp 4.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005612 ngày 02/3/2020 tại chi cục thi hành dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua, buộc anh Đ4 nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.744.000đ (Ba triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)

* Buộc anh Nguyễn Thanh Đ5 phải chịu 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ5 đã nộp 1.987.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005555 ngày 14/2/2020 tại chi cục thi hành dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua, buộc anh Đ5 nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.513.000đ (Năm triệu, năm trăm mười ba nghìn đồng)

* Buộc anh Nguyễn Thanh Đ1 phải chịu 8.244.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ1 đã nộp 4.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005611 ngày 02/3/2020 tại chi cục thi hành dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua, buộc anh Đ1 nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.744.000đ (Ba triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú